| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PT**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà:* Ông Nguyễn Trường Sơn;
*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh PT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh PT tham phiên tòa***: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh PT tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST- HNGĐ ngày 16/11/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1983;
2. Bị đơn: Chị Kiều Thị T, sinh năm 1990;

Đều có HKTT: Khu 4, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh PT.
Chị T hiện đang lao động tại ĐL.

( Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phạm Văn D trình bày: Anh và chị Kiều Thị T đăng ký kết hôn ngày 14/01/2013 tại UBND thị trấn TT, huyện TT, tỉnh PT trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng bố mẹ đẻ anh tại khu 4, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh PT. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau. Cuối năm 2016 chị T đi lao động tại ĐL. Vợ chồng anh sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn.

Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Kiều L, sinh ngày 24/12/2013, nay cháu L đang ở cùng với anh D. Khi ly hôn anh

D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Phạm Kiều L có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của chị T tại ĐL nên anh không thể cung cấp địa chỉ của chị T tại ĐL cho Tòa án được. Anh T yêu cầu Tòa án xác minh địa chỉ của chị T tại ĐL thông qua bố đẻ của chị T là ông Kiều Quang Đ, có địa chỉ tại: khu 4, xã Bảo Yên, huyện TT, tỉnh PT.

Tòa án nhân dân tỉnh PT đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ đối với ông Kiều Quang Đ theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 629/2020/QĐ-UTTA ngày 21/12/2020. Tòa án nhân dân huyện TT tiến hành làm việc, lấy lời khai của ông Kiều Quang Đ tuy nhiên ông Đ không hợp tác làm việc, không cung cấp bất cứ thông tin nào cho Tòa án và cũng không nhận bất cứ giấy tờ, văn bản gì của Tòa án liên quan đến vụ án ly hôn giữa anh Phạm Văn D và chị Kiều Thị T. Ông Đ cho rằng con gái ông là chị Kiều Thị T đã gọi điện về cho ông nói rằng " Việc giải quyết ly hôn thì để khi nào chị T về sẽ tự giải quyết". Ngoài ra Tòa án không làm việc được nội dung gì khác với ông Đ.

Tòa án nhân dân tỉnh PT tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại UBND thị trấn TT, huyện TT, tỉnh PT cung cấp: Anh D và chị T đăng ký kết hôn ngày 14/01/2013 tại UBND thị trấn TT, huyện TT. Sau khi kết hôn anh D và chị T làm ăn, sinh sống tại địa phương, được một thời gian sau anh D đi xuất khẩu lao động tại ĐL. Trong thời gian anh D đi ĐL giữa anh D và chị T phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân khác nhau. Năm 2016 chị T đi lao động tại ĐL, năm 2018 anh D về địa phương sinh sống. Anh D và chị T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến nay. Hiện chị T đi làm ăn không có mặt tại địa phương. Anh D và chị T có 01 con chung, nay đang ở cùng với anh D. Anh D đề nghị xin ly hôn với chị T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền lợi cho các bên.

Tại phiên tòa, vị đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những ng- ời tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh PT đề nghị Tòa án cho anh Phạm Văn D được ly hôn với chị Kiều Thị T. Về con chung: Giao cháu Phạm Kiều L, sinh ngày 24/12/2013 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Kiều Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phạm Văn D vì anh D không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ: Anh D không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe công bố lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn D nộp đơn xin ly hôn chị Kiều Thị T tại Tòa án nhân dân tỉnh PT. Trong đơn xin ly hôn, anh D trình bày hiện chị T đang sống và làm việc tại ĐL. Tại văn bản số 20442/QLXNC-P5 ngày 11/11/2020 về việc cung cấp thông tin XNC của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận chị Kiều Thị T đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 26/11/2019 và hiện chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh PT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là "tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn D và chị Kiều Thị T là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị Kiều Thị T hiện đang ở ĐL, anh D chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị T, không cung cấp được địa chỉ của chị T tại nước ngoài cho Tòa án. Ông Kiều Quang Đ là bố đẻ của chị T không hợp tác làm việc với Tòa án, không cung cấp địa chỉ của chị T ở ĐL cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh D và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho anh chị được ly hôn.

[3] Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Kiều L, sinh ngày 24/12/2013, hiện nay cháu L đang ở cùng với anh D. Khi ly hôn anh D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Phạm Kiều L có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, hiện nay chị T đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu L. Cháu L hiện đang sống ổn định với anh D. Anh D có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển tốt nhất, nên cần giao cháu Phạm Kiều L cho anh Phạm Văn D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do anh Phạm Văn D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Phạm Văn D được ly hôn với chị Kiều Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Kiều L, sinh ngày 24/12/2013 cho anh Phạm Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Kiều Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Kiều Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/ 0004273 ngày 19/10/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh PT.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Các đ- ơng sự đ- ợc quyền làm đơn kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ- ợc niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh PT;
- Cục THADS tỉnh PT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+AV:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Trường Sơn**